

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Kim Anh

Bà Lê Thị Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Diệu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Tổ 2, thôn Đ, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Thanh S, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Thanh S tự nguyện tìm hiểu xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại UBND xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã. Bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Hai vợ chồng sống ly thân từ 02/2024 đến nay không

ai quan tâm đến ai. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Thanh S.

- Về con chung: Bà và ông S có một con chung là Hồ Anh T, sinh ngày 20/12/2021. Nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hồ Thanh S: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, họp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông S không đến Tòa án làm việc, cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim N; Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị Kim N ly hôn với ông Hồ Thanh S; Về nuôi con chung: Giao con chung Hồ Anh T, sinh ngày 20/12/2021 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi, ông S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Đỗ Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn và giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Hồ Thanh S có mặt tại địa chỉ: thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Hồ Thanh S đến lần thứ hai nhưng ông S vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt ông S là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Xét thấy, trong thời gian chung sống bà N và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và không thể hòa giải được. Hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2024 đến nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông S và cương quyết xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng ông S không tham gia. Điều đó cho thấy ông S không tôn trọng quan hệ hôn nhân gia đình; không quan tâm và không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho bà Đỗ Thị Kim N và ông Hồ Thanh S ly hôn là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Khi ly hôn bà N có nguyện vọng nuôi con, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Xét thấy, cháu T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đang sống cùng với bà N. Bà N có công việc làm và chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, giao con chung Hồ Anh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là đảm bảo quyền lợi của con, đúng với quy định của pháp luật. Bà N yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng là không nhiều so với nhu cầu thực tế. Tuy nhiên, bà N cho biết mức thu nhập bình quân của ông S là khoản 6.000.000 đồng nên chấp nhận mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng là phù hợp với thu nhập của ông S.

Về chia tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết, ông S không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà N khai không có, ông S không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim N và ông Hồ Thanh S ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao con chung Hồ Anh T, sinh ngày 20/12/2021 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Ông Hồ Thanh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017892, ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà N đã nộp đủ tiền án phí. Ông Hồ Thanh S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/8/2024); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- THADS huyện Phú Ninh;
- UBND xã Cẩm Kim, tp Hội An (Số 16/2021 ngày 07/9/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành

